TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:91/2022/DS-ST
Ngày: 31– 8 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Hồng.**
2. Ông **Nguyễn Trung Du.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2021/TLST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị H** là ông **Trần Minh D** – sinh năm: 1941 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021) (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị M** - sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Thị M** là chị **Dương Thùy T,** sinh năm: 1983 (theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022) (có mặt).

Địa chỉ: số 183, K, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: G, khóm S, N, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Thành F** - sinh năm: 1988(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 23/12/2021).

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng: Anh **Ngô Duy S** - sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 09/3/2022).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Trần Minh Đơ trình bày:

Ngày 08/12/2019 bà Nguyễn Thị H có thuê đất ruộng của bà Lê Thị M để canh tác hai bên có viết giấy tay "*tờ mướng ruộng*" diện tích đất ruộng là 06 công, làm trong M năm thì bà H phải đóng cho bà M 90 giạ lúa, tính thành tiền là 9.000.000đ. Đồng thời bà M có vay tiền của bà H số tiền là 50.000.000đ và sau đó 01 tháng cha của bà M mất, bà M có vay thêm của bà H 10.000.000đ, số tiền 10.000.000đ là do con của bà M là anh Nguyễn Thành F đến nhận tiền vay và có làm biên nhận nợ do bà H viết. Tổng cộng bà M có vay của bà H số tiền là 60.000.000đ và hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà M trả cho bà H là 2.500.000đ và có thỏa thuận lãi suất 01%/tháng.

Sau khi vay thì bà M hàng tháng không có trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H theo thỏa thuận. Bà H có yêu cầu nhiều lần nhưng bà M cũng không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà H. Đến tháng 12 năm 2020 thì bà H đến gặp bà Nguyễn Thị Bảy, do bà H biết bà M có nhờ bà Bảy chơi hụi thay cho bà M nên bà H yêu cầu bà Bảy giao tiền hụi của bà M cho bà H. Bà Bảy giao cho bà H số tiền 20.000.000đ, khi đó không có mặt bà M, bà H cũng không có nói lại với bà M. Bà H nhận số tiền 20.000.000đ của bà Bảy là tiền lãi của số tiền vốn 50.000.000đ, không phải tiền vốn. Khi đó bà H có viết biên nhận cho bà Bảy, hiện nay bà H cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà Bảy ở đâu.

Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2022 ông Trần Minh D là người đại diện theo ủy quyền của bà H rút lại yêu cầu khởi kiện bà M đối với số tiền 10.000.000đ, chỉ yêu cầu bà M trả cho bà H số tiền vay là 50.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông D yêu cầu bà M phải trả cho bà H số tiền vay là 60.000.000đ, vì ông D cho rằng trong tờ mướng ruộng ngày 08 tháng 12 năm 2019 có ghi qua 01 năm bà M nhận ruộng lại thì phải trả cho bà H đủ 60.000.000đ nên ông yêu cầu bà M trả 60.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng từ ngày 08/12/2019 đến ngày 31/8/2022 là 32 tháng 21 ngày thành tiền là 19.620.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 79.620.000đ và đồng ý trừ 20.000.000đ tiền lãi còn lại 59.620.000đ.

*** Tại bảng khai ý kiến ngày 25/11/2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị M là chị Dương Thùy T trình bày:** Ngày 08/12/2019 bà M có vay số tiền là 50.000.000đ của bà H, có làm biên nhận, hai bên có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng bà M đóng lãi cho bà H là 2.500.000đ, không thỏa thuận thời gian trả tiền vay. Sau đó bà M có đóng lãi cho bà H được 02 lần là 5.000.000đ và bà M có yêu cầu bà H photo cho bà M biên nhận để bà M biết ngày tháng theo dõi tiện cho việc đóng lãi nhưng bà H không photo biên nhận cho bà M nên bà M ngưng

đóng lãi. Bà M có tham gia chơi hụi của bà Nguyễn Thị Bảy nhưng bà M chưa hốt hụi rồi tự ý bà H đến gặp bà Bảy yêu cầu bà Bảy đưa tiền hụi của bà M cho bà H, bà Bảy đã đưa số tiền hụi là 20.000.000đ cho bà H, khi đó không có mặt bà M, khi nhận tiền của bà Bảy thì bà H có viết biên nhận là có nhận của bà Bảy số tiền là 20.000.000đ, bà H có ghi rõ là tiền vốn và lời đã nhận đủ và bà H có ký tên vào biên nhận sau đó bà Bảy đưa lại biên nhận cho bà H, số tiền bà H nhận của bà Bảy 20.000.000đ là tiền vốn của số tiền bà M thiếu bà H 50.000.000đ, nên số tiền còn lại bà M chỉ thiếu bà H là 30.000.000đ. Do cháu Ngoại của bà H là anh Ngô Duy S còn thiếu bà M số tiền là 30.000.000đ nên bà M và anh S, bà H cùng thống nhất là anh S trả số tiền 30.000.000đ cho bà H vì vậy bà M không còn thiếu bà H, cả ba người có viết tờ giấy biên nhận có chữ ký của bà H là người làm chứng.

Nay bà H yêu cầu bà M phải trả lại cho bà H số tiền vay vốn là 60.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng từ ngày 08/12/2019 đến ngày 31/8/2022 là 19.620.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 79.620.000đ và đồng ý trừ 20.000.000đ tiền lãi còn lại 59.620.000đ thì bà M không đồng ý vì bà M đã trả đủ tiền cho bà H.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành F có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 23/12/2021 anh Nguyễn Thành F trình bày:** Anh là con ruột của bà Lê Thị M việc mẹ anh có vay tiền của bà H thì anh hoàn toàn không biết. Bà H trình bày anh có đến gặp bà H để vay 10.000.000đ rồi về đưa lại cho mẹ anh là hoàn toàn không đúng. Anh không có đến gặp bà H để nhận 10.000.000đ như bà H trình bày.

*** Người làm chứng anh Ngô Duy S có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 17/12/2021, trong quá trình tham gia tố tụng anh Ngô Duy S trình bày:** Năm 2020 anh có vay của bà M số tiền là 30.000.000đ, anh là cháu ngoại của bà H. Do bà M có vay tiền của bà H số tiền là 50.000.000đ nên ngày 30/3/2020 giữa anh và bà H, bà M cùng thỏa thuận là anh sẽ trả số tiền 30.000.000đ mà anh thiếu của bà M thì anh sẽ trả lại cho bà H nên bà M chỉ còn thiếu bà H số tiền là 20.000.000đ. Nay đối với số tiền mà anh S thiếu bà M 30.000.000đ thì ý kiến của bà M để bà M và anh S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh S đồng ý không có ý kiến.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; CMND, sổ hộ khẩu; Đơn yêu cầu xác nhận nơi cư trú; Tờ mướng ruộng; Bảng khai ý kiến; Giấy ủy quyền.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; Biên nhận nợ.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bị đơn bà Lê Thị M. Bà M có nơi cư trú tại ấp Gò Ân, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp 7, xã Tân An

Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà M được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu bà M trả số tiền vay vốn là 60.000.000đ và tiền lãi là 19.620.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 79.620.000đ. Người đại diện theo ủy quyền của bà M không thống nhất vì cho rằng bà M đã trả đủ số tiền cho bà H. Ông D cho rằng bà M có vay tiền của bà H số tiền 50.000.000đ, bà M cũng thừa nhận có vay của bà H 50.000.000đ nhưng bà M và bà H đã trừ tiền của anh S còn thiếu bà M là 30.000.000đ qua bà H có sự thống nhất của bà H, còn lại 20.000.000đ thì bà H đã nhận từ bà Bảy giao cho bà H là tiền bà M tham gia góp hụi của bà Bảy vì vậy bà M không còn nợ của bà H.

Xét yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bà H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện bởi ông D cho rằng theo tờ cho mướng đất ruộng nếu sau M năm bà M nhận lại đất thì phải trả cho bà H 60.000.000đ, bị đơn không thống nhất vì cho rằng bà H tự viết thêm sau chữ ký của bà M và bà M cũng không có ký và bà H chỉ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng thuê đất, tại các biên bản hòa giải bà H cho bà M vay 50.000.000đ vào ngày 08 tháng 12 năm 2019 sau đó con của bà M là anh F đến vay thêm 10.000.000đ dùm cho bà M nhưng anh F và bà M không thừa nhận. Đối với số tiền 50.000.000đ bà M thừa nhận có nhận của bà H nhưng bà M cho rằng đã trả đủ cho bà H thể hiện qua các biên nhận có chữ ký của bà H và bà M cung cấp cho Tòa án biên nhận không có ngày tháng năm có chữ ký của bà H là có nhận 20.000.000đ và trong biên nhận bà H ghi rõ " *tôi tên Nguyễn Thị H có nhận Nguyễn Thị Bảy 20 triệu tiền hụi bà chơi dùm trả dùm cho bà M số tiền đã thiếu tiền lời vốn chị 7 trả tôi nhận đủ*" bà H cũng thừa nhận, nhưng bà H cho rằng đó là số tiền lãi, bà M cho rằng là tiền vốn do bà H không nhớ ngày nhận tiền nhưng bà nhớ tháng 12 năm 2020 bà H nhận số tiền 20.000.000đ nhưng cả bà H và bà M không cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Bảy vì vậy căn cứ vào biên nhận do bà H viết thì bà H đã trừ 20.000.000đ vào số tiền vốn 50.000.000đ.

Việc bà M cho rằng đã trừ số tiền 30.000.000đ do anh S thiếu bà qua bà H nên hiện nay anh S còn thiếu bà H chứ bà M không có thiếu là chưa có căn cứ bởi bà H không thừa nhận là bà H có ký tên để đồng ý trừ cấn mà bà H chỉ ký làm chứng cho bà M giao giấy chứng minh lại cho anh S, tại biên nhận ngày 30 tháng 3 năm 2020 (bút lục 25) chưa thể hiện rõ là bà H đồng ý trừ số tiền 30.000.000đ từ bà M qua S mà có chữ ký của bà H là người làm chứng vì vậy buộc bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn vay còn nợ lại là 30.000.000đ và tính lãi từ ngày 08 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 là 36 tháng 23 ngày x 1%/tháng = 11.030.000đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 41.030.000đ.

Đối với số tiền anh S vay của bà M 30.000.000đ, anh S và bà M không yêu

cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H và bà M được miễn phí dân sự sơ thẩm do bà H và bà M là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận M phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay vốn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 11.030.000đ (Mười M triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 41.030.000đ (Bốn mươi mốt triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối với số tiền anh Ngô Duy S vay của bà Lê Thị M là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), anh Ngô Duy S và bà Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị M được miễn phí dân sự sơ thẩm do bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị M là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cụcTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh